

Ngày phát hành/ Ngày hiệu  
chính : 16.06.2020  
Ngày phát hành lần trước : 04.09.2019  
Phiên bản : 4.0



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

**YaraVita BORTRAC**

**Phiếu an toàn hóa chất, Tên phân loại, tên sản phẩm**

**Số UN** : Không áp dụng.

**Số đăng ký**

**Danh mục hóa chất Việt Nam** : Hỗn hợp

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

**Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống  
Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân  
Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)** : YaraVita BORTRAC  
**Loại sản phẩm** : Chất lỏng  
**Mã sản phẩm** : PYP12M

**Ứng dụng**

**Khu vực áp dụng** : Các ứng dụng chuyên nghiệp  
**Cách sử dụng nguyên liệu.** : Phân bón.

**Nhà cung cấp**

**Thông tin chi tiết về nhà cung cấp** : Yara Vietnam Ltd..

**ĐỊA CHỈ**

**Đường** : Fl. 14 Empress Tower  
138 - 142 Hai Ba Trung, Da Kao Ward,  
District 1

**THÀNH PHỐ** : Ho Chi Minh City  
**Quốc Gia** : Viet Nam

**Số Điện Thoại** : +84 28 3829 6869  
**Số fax** : +84 28 3827 9317  
**Địa chỉ email của người chịu  
trách nhiệm đối với bảng SDS  
này** : yaraasiapacific@yara.com

**Số điện thoại khẩn cấp (với  
giờ hoạt động)** : +84 28 4458 2388 (Việt Nam, 24/7)

**Cơ quan tư vấn quốc gia/Trung Tâm Độc Chất**

**Tên** : Trung Tâm Kiểm Soát Chất độc - Bệnh viện Bạch Mai

Số Điện Thoại : +84 24 38693731 ext 6821

## Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3

### Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Từ cảnh báo : Không có từ cảnh báo.

Cảnh báo nguy cơ : H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

### Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : P273 Tránh thải ra môi trường.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không.

## Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol	26038-87-9	Không có sẵn.	>= 70 - < 80

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở các nồng độ áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe hoặc môi trường, là PBT hoặc vPvB hoặc các chất có quan ngại tương đương, hoặc đã được gán cho một giới hạn phơi nhiễm ở nơi làm việc và vì vậy cần phải báo cáo trong phần này.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này. Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

Nhận xét : Sản phẩm có chứa Boron ở dạng [axit boric, hợp chất với 2-aminoethanol], không được phân loại là độc hại để tái sản xuất theo [CLP / GHS].

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch với nhiều nước chảy thành dòng. Kiểm tra và tháo

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:2/16

- bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
- Hít phải** : Tránh hít hơi, sương hoặc bụi phun. Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.
- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa với xà phòng và nước. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu bị khó chịu.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

### **Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm**

#### **Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

### **Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần**

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## **V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

### **Phương tiện dập tắt**

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:3/16

<b>Các chất chữa cháy không phù hợp</b>	:	Không nhận dạng được cái nào.
<b>Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	:	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại đối với thủy sinh vật. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
<b>Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm</b>	:	Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: ôxít nitơ, amoniac, Tránh hít phải bụi, hơi hay khói từ chất đang cháy., Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
<b>Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy</b>	:	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
<b>Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy</b>	:	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
<b>Nhận xét</b>	:	Không gây nổ.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

<b>Cho người không phải nhân viên cấp cứu</b>	:	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
<b>Cho các nhân viên cấp cứu</b>	:	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
<b>Đề phòng cho môi trường</b>	:	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

<b>Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ</b>	:	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng
-------------------------------------	---	--

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:4/16

- khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Không dùng cho con người và động vật.

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Để phòng ngừa, hãy giữ mức độ tiếp xúc thấp nhất có thể đối với phụ nữ mang thai, trẻ em và nhân viên ở độ tuổi sinh sản. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cận và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình

không dán nhãn hiệu.

Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Các cơ sở lưu trữ dạng đê nhằm ngăn ô nhiễm đất và nước khi xảy ra sự cố tràn.

**Những đề nghị cụ thể cho người dùng cuối**

: Không tạo và hít sol khí phân bón lỏng.

Ngoài ra các biện pháp bảo vệ chung, chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng găng tay và thiết bị bảo vệ mắt, sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp hiệu quả (mặt nạ phòng hơi độc P2/P3 có đệm mặt kín) trong quá trình xả túi phân bón và bảo trì thiết bị để giảm thiểu tiếp xúc do hít và đảm bảo sử dụng an toàn trong hoạt động này (xem phần 8).

Đánh giá rủi ro cho thấy sử dụng an toàn trong quá trình rải phân bón bình thường chứa dưới 5% bo bởi máy kéo (dạng lỏng hoặc hạt) và ba lô đeo vai (dạng lỏng).

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Các thông số kiểm soát**

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp**

: Không có cái nào.

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp**

: Không có cái nào.

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp**

: Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định.

**Kiểm soát phơi nhiễm môi trường**

: Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

**Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

**Biện pháp vệ sinh**

: “Dụng cụ rửa mắt hoặc da nên sẵn sàng để sử dụng”. Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại.

**Bảo vệ mắt**


: Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:6/16

nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương hoặc bụi.

### **Bảo vệ da**

- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp có hiệu quả hơn 94% (P2, P3 hoặc N95) và đệm mặt kín khi có rủi ro tiếp xúc với bụi.
- Thiết bị bảo hộ cá nhân (Tượng hình)** : 

## **IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

### **Bề ngoài**

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng
- Màu sắc** : Màu vàng.,
- Mùi** : Ít Amin.
- Ngưỡng về mùi** : Không xác định.
- pH** : 8,2 [Mật độ: 100 g/l] @ 20 °C (68 °F)
- Điểm nóng chảy/đông** : < -15 °C
- Điểm sôi/ngưng tụ** : 100 °C  
(212 °F)
- Nhiệt độ thăng hoa** : Không xác định.
- Điểm bùng cháy** : Không xác định.
- Tỷ lệ hóa hơi** : Không xác định.
- Khả năng cháy (chất rắn, khí)** : Không cháy.
- Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên** : **Thấp hơn:** Không xác định.  
**Trên:** Không xác định.
- Áp suất hóa hơi** : Không xác định.
- Mật độ khối** : Không áp dụng.
- Mật độ** : 1,353 g/cm3

<b>Mật độ tương đối</b>	:	Không áp dụng.
<b>Tính hòa tan</b>	:	Không áp dụng.
<b>Độ hòa tan trong nước</b>	:	Không phù hợp/không áp dụng được do tính chất của sản phẩm.
<b>Trộn lẫn trong nước</b>	:	Trộn lẫn trong nước.
<b>Hệ số phân chia nước/Octanol</b>	:	Không xác định.
<b>Nhiệt độ tự cháy</b>	:	Không xác định.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	:	Không xác định.
<b>Tính dèo</b>	:	<b>Sôi động:</b> < 200 mPa.s
		<b>Động lực học:</b> Không xác định
<b>Thuộc tính nổ</b>	:	Không gây nổ.
<b>Thuộc tính oxy hóa</b>	:	Không

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

<b>Khả năng phản ứng</b>	:	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
<b>Tính ổn định</b>	:	Sản phẩm ổn định.
<b>Khả năng gây các phản ứng nguy hại</b>	:	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
<b>Tình trạng cần tránh</b>	:	Tránh nhiễm bẩn bằng mọi nguồn kể cả kim loại, bụi và chất hữu cơ.
<b>Các vật liệu không tương thích</b>	:	Urê phản ứng với Canxi hypoclorit hay Natri hypoclorit tạo thành chất Nitơ triclorea gây nổ
<b>Sản phẩm phân rã có môi nguy</b>	:	Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

Tên sản	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi	Tham khảo
Ngày phát hành : 16.06.2020					Trang:8/16



phẩm/thành phần				nhiễm	
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol					
	OECD 402 LD50 Đường miệng	Chuột	> 5.000 mg/kg	Không áp dụng.	IUCLID
	OECD402 LD50 Ngoài da	Chuột	> 5.000 mg/kg	Không áp dụng.	

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### Kích ứng/Ăn mòn

#### **Kết luận/Tóm tắt**

**Da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Hô hấp** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### Nhạy cảm

#### **Kết luận/Tóm tắt**

**Da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Hô hấp** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### Tính đột biến

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Chi tiết thử nghiệm	Kết quả	Tham khảo
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol				
	OECD 476	Loài có vú-Động vật Trong ống thử nghiệm	Âm tính	
	OECD 471	Vi trùng Trong ống thử nghiệm	Âm tính	
	OECD 473	Loài có vú-Người Trong ống thử	Âm tính	

		nghiệm		
--	--	--------	--	--

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Tính gây ung thư**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Độc tính sinh sản**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chứa bo có thể làm tổn thương khả năng sinh sản dựa trên dữ liệu từ động vật. Chứa bo có thể làm tổn thương thai nhi dựa trên dữ liệu từ động vật.

#### **Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

#### **Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

#### **Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

#### **Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và**

**lâu dài****Phơi nhiễm ngắn hạn**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Phơi nhiễm lâu dài**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Tham khảo
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol					
	OECD 407 Khẩn cấp trung bình NOAEL Đường miệng	Chuột	250 mg/kg	28 ngày	IUCLID5

**Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Ảnh hưởng khả năng sinh sản** : Chưa rõ có thể làm tổn thương khả năng sinh sản dựa trên dữ liệu từ động vật.

**Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể** : Chưa rõ có thể làm tổn thương thai nhi dựa trên dữ liệu từ động vật.

**CÁC ẢNH HƯỞNG LÊN HOẶC THEO ĐƯỜNG SỮA** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Những ảnh hưởng khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức**

**Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Các số liệu đo lường độ độc**

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính  
Không có sẵn.

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc Tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Tham khảo
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol					
	OECD 203 Cấp tính LC50 Nước ngọt	Cá	> 100 mg/l	96 h	IUCLID5
	OECD 202 Cấp tính EC50 Nước ngọt	Daphnia	423 mg/l	48 h	IUCLID5

**Kết luận/Tóm tắt** : Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

**Độ bền và khả năng phân hủy**

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn	Tham khảo
Boric acid, compd. with 2-aminoethanol	OECD 301B	Không áp dụng.	Không áp dụng.	Quá trình hoạt hóa nước thải	IUCLID5

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Khả năng tồn lưu**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Khả năng phân tán qua đất**

**Hệ số phân cách đất/nước (KOC)** : Không có sẵn.

**Tính cơ động** : Không có sẵn.

**Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:12/16

**Sản phẩm****Các phương pháp xử lý**

- : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

**XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

<b>Quy định: UN Class</b>	
<b>14.1 Số UN</b>	Không quản lý.
<b>14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc</b>	Không áp dụng.
<b>14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>	Không áp dụng.
<b>14.4 Quy cách đóng gói</b>	Không áp dụng.
<b>14.5 Mỗi nguy cho môi trường</b>	Không.
<b>Thông tin bổ sung</b>	
<b>Mỗi nguy cho môi trường</b>	: Không.

<b>Quy định: IMDG</b>	
<b>14.1 Số UN</b>	Không quản lý.
<b>14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc</b>	Không áp dụng.
<b>14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>	Không áp dụng.
<b>14.4 Quy cách đóng gói</b>	Không áp dụng.

<b>14.5 Mỗi nguy cho môi trường</b>	Không.
<b>Thông tin bổ sung</b> <b><u>Chất gây ô nhiễm biển</u></b>	: Không.

<b>Quy định: IATA</b>	
<b>14.1 Số UN</b>	Không quản lý.
<b>14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc</b>	Không áp dụng.
<b>14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>	Không áp dụng.
<b>14.4 Quy cách đóng gói</b>	Không áp dụng.
<b>14.5 Mỗi nguy cho môi trường</b>	Không.
<b>Thông tin bổ sung</b> <b><u>Chất gây ô nhiễm biển</u></b>	: Không.

**14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng** : Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

**IMSBC** : Không áp dụng.

**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)** : Không có sẵn.

## **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

**Phân loại chất độc (TCVN 3164-79)** : 4

### **Danh mục hàng tồn kho**

**Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Trung Quốc (IECSC):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Úc (AICS):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Canada:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**BẢNG KÊ EC (EINECS/ELINCS):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Canada:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Sức khỏe	/	0
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		0

**Thận trọng:** Phân loại HMIS® dựa trên thang phân loại 0-4, trong đó 0 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc nguy cơ tối thiểu, còn 4 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Phân loại HMIS® phải được sử dụng kết hợp với một chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là thương hiệu đã được đăng ký và dấu hiệu dịch vụ của Hiệp hội Phun phủ Hoa Kỳ (American Coatings Association, Inc.).

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

### Độc tính mãn tính:

- : Không có dữ liệu.

\* : Chất gây ung thư, Cơ quan có nhắm tới, Hậu quả sinh sản, Chất làm nhạy với phổi

### Bảng từ viết tắt

- : ADN/ADN = Quy định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa
- ADR = Hiệp định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ
- ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
- BCF = Hệ số nồng độ sinh học
- bw = trọng lượng cơ thể
- GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
- IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
- IBC = Côngtenơ khổ trung
- IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
- LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
- MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
- RID = Các quy định về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
- SUSMP - Standard Uniform Schedule of Medicine and Poisons
- \*\*\*\*TO BE TRANSLATED\*\*\*\*
- UN = Liên hợp quốc

### Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3	Phương pháp tính toán

### Nguồn dữ liệu chính

- : EU REACH ECHA/IUCLID5 CSR.

Ngày phát hành : 16.06.2020

Trang:15/16

National Institute for Occupational Safety and Health, U.S.  
 Dept. of Health, Education, and Welfare, Reports and  
 Memoranda Registry of Toxic Effects of Chemical  
 Substances.  
 Sphera Solutions Inc., 4777 Levy Street, St Laurent, Quebec  
 HAR 2P9, Canada.

#### Lịch sử

<b>Ngày in</b>	:	25.01.2021
<b>Ngày phát hành/Ngày hiệu chính</b>	:	16.06.2020
<b>Ngày phát hành lần trước</b>	:	04.09.2019
<b>Nhận xét về hiệu đính</b>	:	Các m#c sau bao g#m thông tin m#i và ###c #p nh#: 2, 3.
<b>Phiên bản</b>	:	4.0
<b>Chuẩn bị bởi</b>	:	Yara Chemical Compliance (YCC).
Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.		

#### Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.